TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà DƯƠNG THỊ TƯ

2/ Ông LÊ CÔNG QUYỀN

- Thư ký phiên tòa: Bà TRƯƠNG THỊ THẢO QUYÊN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN LÂM THÚY VI - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **TRẦN THỊ THU C**, sinh năm 1986 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà K3/95, Khu phố 2, Phường 4, thành phố N, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh **TRƯƠNG VĂN H**, sinh năm 1979 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 10, Tổ 3, ấp Trường L, xã Trường T, huyện H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2019 và lời trình bày của chị Trần Thị Thu C thể hiện như sau:

Chị Trần Thị Thu C và anh Trương Văn H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường T, huyện H, tỉnh N ngày 15/7/2008. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng sống chung nhà của mẹ chồng được khoảng hơn 01 năm. Trong thời gian chung sống do anh H không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện nên vợ chồng cãi nhau, cuộc sống chung

không có hạnh phúc, năm 2013 anh H đánh chị nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh H cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị C và anh H có 01 người con chung tên Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 08/3/2009 đang sống chung với chị C. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh bà Bùi Thị Tuyết là mẹ của anh H cung cấp thông tin như sau: Hiện nay anh H đang sống chung với bà tại địa chỉ số nhà 10, Tổ 3, ấp Trường L, xã Trường T, huyện H, tỉnh N, do anh H đi làm xa nên ít khi về nhà, bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và cam kết giao lại cho anh H. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh H không lần nào có mặt nên không thu thập được lời khai của anh H.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên ý kiến, không trình bày gì khác; anh H vắng mặt không có lý do.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H; giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung ghi nhận chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết; tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn H là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Trần Thị Thu C và anh Trương Văn H tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do anh H thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm

2013 đến nay. Xét thấy anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy từ khi chị C và anh H sống ly thân đến nay, chị C là người trực tiếp nuôi con, cháu N cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, nên cần giao con chung cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C trình bày không có, ghi nhận chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu C đối với anh Trương Văn H. Chị C và anh H không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

- Về con chung: Giao chị Trần Thị Thu C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 08/3/2009, ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012860 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh N, chị C đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Trần Thị Thu C biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trương Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- UBND xã Trường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(D).